

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vinafco;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....ngày....tháng.....năm 2022;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Biên kiểm soát Công ty cổ phần Vinafco

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vinafco bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafco quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, giám sát của Ban kiểm soát và mối quan hệ giữa thành viên Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinafco.

1.3. Nguyên tắc hoạt động của BKS

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

ĐIỀU 2: Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. “VFC” hoặc “Công ty”: Công ty Cổ phần Vinafco

- 2.2. “HĐQT”:** Hội đồng quản trị của VFC
- 2.3. “BKS”:** Ban kiểm soát của VFC
- 2.4. “ĐHĐCĐ”:** Đại hội đồng cổ đông của VFC
- 2.5. “Điều lệ”:** Điều lệ của VFC
- 2.6.** Các từ hoặc thuật ngữ khác được sử dụng mà không được giải thích tại Quy chế này sẽ có nghĩa như được quy định trong Điều lệ.

ĐIỀU 3: Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

- 3.1.** Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của hệ thống VFC tại thời điểm báo cáo.
- 3.2.** Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 3.3.** Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
- 3.4.** Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 3.5.** Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 3.6.** Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 4: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- 4.1** Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 4.2** Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 4.3** Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ Công ty tại cuộc họp thường niên.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- 4.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 4.5 Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ Công ty các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 4.6 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ.
- 4.7 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 4.8 Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 4.9 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua; và
- 4.10 Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- 4.11 Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- 4.12 Có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ Công ty;
- 4.13 Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo kiến nghị của cổ đông;
- 4.14 Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ;
- 4.15 Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 14.4 (b) của Điều lệ;
- 4.16 Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT;
- 4.17 Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp;
- 4.18 Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- 4.19 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 4.20 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác trong các hoạt động;
- 4.21 Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông;
- 4.22 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải

thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4.23 Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;

4.24 Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; and

4.25 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 5: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

5.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- (a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo;
- (b) Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- (c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;

5.2 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; và

5.3 HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 6: Tiền lương và quyền lợi khác

6.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty. ĐHĐCĐ Công ty quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

6.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác; và

6.3 Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

ĐIỀU 7: Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

7.1 Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- (a) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- (b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ;
- (c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban kiểm sát nhưng HĐQT không thực hiện;
- 7.2** Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 7.3** Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

ĐIỀU 8: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 8.1** Tuân thủ đúng pháp, Điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 8.2** Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 8.3** Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phụ vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 8.4** Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 8.5** Trường hợp vi phạm quy định tác các khoản 8.1, 8.2, 8.3 và 8.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- 8.6** Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 9: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1** Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 9.2** Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;
- 9.3** Không phải là có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 9.4** Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về chuyên ngành khác phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 9.5** Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 9.6** Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- 9.7** Không phải là người được quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp; và
- 9.8** Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

ĐIỀU 10: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 10.1** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- 10.2** Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

ĐIỀU 11: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 11.1** ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;
 - (b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- 11.2** ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát các trường hợp sau.
- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - (d) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 12: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 12.1** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác;
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

- 12.2** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

ĐIỀU 13: Trưởng Ban Kiểm soát

13.1 Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

13.2 Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;
- Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;

- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 14: Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

14.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10) phần trăm đến dưới ba mươi (30) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai ứng cử viên.

14.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ ba mươi (30) phần trăm đến dưới năm mươi (50) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba ứng cử viên;

14.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm mươi (50) phần trăm đến dưới sáu mươi lăm (65) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn ứng cử viên; và

14.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ sáu mươi lăm (65) phần trăm trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử sáu ứng cử viên.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS được Cổ đông đề cử theo các khoản 14.1, 14.2, 14.3, 14.4 của Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

14.5 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông phải gửi cho Công ty danh sách các ứng cử viên do Cổ đông đề cử trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày Công ty gửi cho Cổ đông Thông báo về việc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

ĐIỀU 15: Quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát

15.1 Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

15.2 Ban kiểm soát họp định kỳ và có thể được triệu tập bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

15.3 Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- (a) Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (c) Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- (d) Trưởng ban kiểm soát;
- (e) Từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;

- (f) Tổng giám đốc;
- (g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

15.4 Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp có quyền triệu tập Ban Kiểm soát, các thành viên dự họp bỏ phiếu kín bầu chủ tọa cuộc họp.

ĐIỀU 16: Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Ban Kiểm soát

- 16.1** Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban Kiểm soát phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (đối với thành viên không tham dự họp và có văn bản ủy quyền).
- 16.2** Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại VFC.
- 16.3** Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, các chuyên viên khác có thể tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề cần làm rõ, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

ĐIỀU 17: Quy định về điều kiện tiến hành cuộc họp và biên bản họp của Ban Kiểm soát

- 17.1** Cuộc họp đầu tiên: Trưởng họp Ban Kiểm soát bầu Trưởng Ban thi cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số cử một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
- 17.2** Cuộc họp Ban kiểm soát được coi là hợp lệ khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự họp. Trường hợp không trực tiếp tham dự họp, Thành viên Ban kiểm soát có thể ủy quyền biểu quyết cho một thành viên khác dự họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.
- 17.3** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được lập thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập bằng Tiếng Việt, người ghi biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Ban kiểm soát.
- 17.4** Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 18: Quyết định thông qua tại cuộc họp của Ban Kiểm soát

Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa.

ĐIỀU 19: Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

- 19.1** Trưởng Ban kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản.
- 19.2** Việc lấy ý kiến các thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi email đến địa chỉ email của từng thành viên song song với gửi bản cứng bằng phương thức bảo đảm. Căn cứ ý kiến của thành viên gửi qua email có giá trị để Trưởng Ban Kiểm soát ra quyết định/nghị quyết. Ý kiến trả lời qua email có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
- 19.3** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 19.4** Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

ĐIỀU 20: Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 20.1** Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 20.2** Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 20.3** Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 20.4** Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 20.5** Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 20.6** Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 20.7** Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

20.8 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

ĐIỀU 21: Công khai các lợi ích liên quan

21.1 Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

21.2 Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

21.3 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

21.4 Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

21.5 Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 22: Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 23: Mối quan hệ với ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 25: Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

- 25.1** Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày/...../..... và có hiệu lực kể từ thời điểm được thông qua.
- 25.2** Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định khác của Công ty. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này trái với quy định của pháp luật và Điều lệ thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 25.3** Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Ban kiểm soát quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công/chấp thuận.
- 25.4** Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**